

Số:

Hậu Giang, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

Kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về Quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025

**I. Kết quả thực hiện**

**1. Công tác tổ chức triển khai**

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1609/KH-UBND ngày 08 tháng 07 năm 2019 về việc thực hiện Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025.

- 100% huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 21/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025 tại địa phương.

**2. Công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản**

- Sở Y tế phối hợp cùng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức các lớp tập huấn cho các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương. Tổ chức 16 lớp với 800 người tham dự.

- Phối hợp cùng Liên đoàn Lao động tỉnh tuyên truyền cho lực lượng công nhân tại các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong tỉnh: Tổ chức 20 lớp, với 2.000 công nhân tham dự.

- Phối hợp Trường Chính trị tỉnh đưa nội dung dân số vào nội dung giảng dạy tại Trường, đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức đang tham gia các lớp đào tạo chính trị tại trường, tổ chức 14 lớp với 700 người tham dự.

- Tổ chức tập huấn truyền thông nội dung Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND với các lớp tập huấn nghiệp vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình cho 1.452 cộng tác dân số và viên chức dân số huyện, xã hàng năm.

- Tổ chức lồng ghép tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND cho người dân tại 75 xã, phường, thị trấn tại các buổi nói chuyện chuyên đề về chính sách dân số, mỗi xã huy động 100 người tham dự.

- Phối hợp cùng Báo Hậu Giang xây dựng 10 chuyên trang, Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang xây dựng 08 chuyên đề tuyên truyền đến toàn

thể các cấp chính quyền, người dân trong tỉnh về nội dung Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND.

- Hàng năm, phối hợp cùng Công đoàn ngành Y tế tổ chức tuyên truyền đến công đoàn viên của ngành về nội dung Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND và các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách dân số trong tình hình mới được triển khai tại tỉnh cho lực lượng công đoàn viên ngành y tế. Tổ chức 02 lớp với 200 người tham dự.

### **3. Kết quả thực hiện từng chính sách của Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND**

**a. Chính sách điều chỉnh và duy trì mức sinh vùng, góp phần kéo dài thời kỳ dân số vàng, đảm bảo nguồn lực phục vụ tại địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.**

Cuối năm 2020, tổng tỷ suất sinh đạt 1,38 con/phụ nữ, tăng 0,08 con/phụ nữ so với năm 2019; toàn tỉnh có 68 xã, phường, thị trấn đăng ký thực hiện mô hình xã sinh đủ 02 con tại địa phương với 29.543 phụ nữ có chồng trong độ tuổi sinh đẻ chưa có con và có 01 con đăng ký sinh đủ 2 con.

**b. Chính sách khuyến khích khen thưởng, biểu dương các cặp vợ chồng sinh đủ 02 con một bề là gái thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; cha mẹ sinh con một bề là gái khi hết tuổi lao động nhưng không có lương hưu.**

Mỗi năm Sở Y tế chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh ban hành kế hoạch chỉ đạo toàn tỉnh rà soát, thống kê các cặp vợ chồng sinh đủ 02 con một bề là gái thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; cha mẹ sinh con một bề là gái khi hết tuổi lao động nhưng không có lương hưu trên địa bàn tỉnh. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 576 cặp vợ chồng đủ điều kiện và đã được khen thưởng, trong đó cấp tỉnh là 56 cặp vợ chồng (*bằng khen UBND tỉnh*), cấp huyện là 520 cặp vợ chồng (*giấy khen UBND huyện*).

**c. Chính sách tư vấn, tầm soát các bệnh, dị tật bẩm sinh trong sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng sống vùng có nguy cơ, vùng nhiễm chất độc dioxin trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.**

- Hàng năm, phối hợp cùng Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh thành phố Cần Thơ, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tổ chức tầm soát, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh cho phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh trên địa bàn tỉnh.

- Trong năm 2019, tiến hành sàng lọc trước sinh được 40,01% phụ nữ mang thai; sàng lọc sơ sinh được 57,01% số trẻ sinh.

- Năm 2020, thực hiện sàng lọc trước sinh 3.544/7971 thai phụ, tỷ lệ 44,46%, tăng 4,46% so với năm 2019, 100% thực hiện bằng nguồn kinh phí xã hội hóa; Sàng lọc sơ sinh được 5.272/7971 trẻ sinh, đạt tỷ lệ 66,14%, tăng

6,14% so với năm 2019, trong đó có 548 mẫu thực hiện miễn phí, tỷ lệ 10,39%, còn lại 89,61% thực hiện bằng xã hội hóa.

- Về thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết, năm 2020, thực hiện sàng lọc trước sinh có 60 thai phụ đề nghị được thụ hưởng chính sách địa phương nhưng không đủ thủ tục nên không có trường hợp nào được hưởng. Sàng lọc sơ sinh có 982 trẻ thuộc đối tượng miễn phí từ ngân sách Trung ương, trong đó có 40 trẻ đề nghị thanh kinh phí địa phương nhưng không đủ thủ tục thanh toán 37 trẻ, chỉ thanh toán được 3 trẻ.

#### **d. Chính sách động viên, khuyến khích cộng tác viên dân số KHHGD áp, khu vực.**

100% cộng tác viên dân số có thẻ bảo hiểm y tế và được UBND huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ kinh phí mua, cụ thể: Huyện Long Mỹ, Vị Thủy, Phụng Hiệp, Châu Thành và Châu Thành A hỗ trợ 30%/thẻ, thị xã Long Mỹ hỗ trợ 40%/thẻ, thành phố Vị Thanh hỗ trợ 50%/thẻ, thành phố Ngã Bảy hỗ trợ 100%/thẻ.

#### **4. Đánh giá chất lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành**

- Thông qua việc tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đã có nhận thức sâu sắc công tác DS-KHHGD là bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống; đây là lĩnh vực đòi hỏi phải có chiến lược, giải pháp lâu dài và duy trì sự lãnh đạo, quản lý.

- Cán bộ, đảng viên, nhất là trong các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể đã gương mẫu, tự giác hơn trong việc thực hiện, đồng thời tuyên truyền, vận động gia đình và quần chúng nhân dân thực hiện chính sách DS-KHHGD.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền đã chỉ đạo, đưa các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu về DS-KHHGD thành một nội dung trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm, xem đây là một tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của địa phương, đơn vị, đặc biệt các xã xây dựng nông thôn mới. Phân công và thường xuyên giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện, chỉ đạo thực hiện các giải pháp khá quyết liệt trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

- Các hoạt động về công tác DS-KHHGD đã được quản lý chung trong chương trình mục tiêu Y tế - Dân số có trọng tâm, trọng điểm. Dịch vụ KHHGD đã từng bước thực hiện xã hội hóa để người dân có nhu cầu tự nguyện chi trả chi phí.

- Nghị quyết đã tác động mạnh đến quan điểm, nhận thức các cấp lãnh đạo, lực lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc chấp hành quan điểm, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác dân số và phát triển. Từ đó, phối hợp thực hiện công tác dân số với góc độ chuyên môn từng đơn vị, góp phần tạo được sự quan tâm, chú ý và dư luận đồng thuận của cộng đồng về công tác dân số trong thời gian qua.

- Nội dung Nghị quyết đáp ứng được những quan điểm chỉ đạo thực hiện công tác dân số trong tình hình mới; đáp ứng nguyện vọng của người dân, đặc

biệt là các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội. Nghị quyết đã đem đến cho người dân sự công bằng trong việc được cung cấp các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số. Đồng thời, khích lệ tinh thần nhiệt huyết quyết trong công việc của lực lượng cộng tác viên dân số tại địa phương.

- Các hoạt động về công tác dân số và phát triển đã được quản lý chung trong chương trình mục tiêu Y tế - Dân số có trọng tâm, trọng điểm. Dịch vụ KHHGD, nâng cao chất lượng dân số đã từng bước thực hiện xã hội hóa để người dân có nhu cầu tự nguyện chi trả chi phí.

- Tạo được dư luận xã hội đồng tình ủng hộ, người dân hiểu và tích cực tham gia, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, ổn định dân số, phát triển nguồn lực của tỉnh.

## **5. Đánh giá tác động của pháp luật đối với quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội**

- Tăng cường sự quyết liệt trong lãnh chỉ đạo, huy động nguồn lực từ ban ngành, đoàn thể, xã hội chung tay thực hiện công tác dân số và phát triển tại địa phương.

- Sau khi Nghị quyết được ban hành, cấp tỉnh, huyện đã tham mưu UBND các cấp ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết, bố trí và huy động nguồn lực tham gia thực hiện tại địa phương; phát động những phong trào thi đua tại cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ giao.

- Chỉ tiêu giám sinh đã không còn đưa vào chỉ tiêu Nghị quyết Đảng bộ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND các cấp, thay vào đó là chỉ tiêu vận động tăng sinh.

- Các cấp Ủy đảng, chính quyền địa phương đã quán triệt nội dung Nghị quyết, triển khai sâu rộng đến các hội viên, quần chúng nhân dân. Góp phần làm cho nhận thức của người dân được nâng lên, dẫn đến người dân có nhiều nhu cầu được cung cấp dịch vụ có chất lượng, đặc biệt là về dịch vụ nâng cao chất lượng dân số. Từ đó, góp phần quan trọng trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **II. Nhận xét,**

### **1. Thuận lợi**

- Được sự quan tâm trong lãnh chỉ đạo, sự đồng thuận của các cấp ủy đảng, chính quyền trong việc triển khai, huy động nguồn lực thực hiện Nghị quyết.

- Đã tác động đến nhận thức của người dân tại cộng đồng về công tác dân số trong tình hình mới; người dân chú tâm hơn đến việc quan tâm sức khỏe phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh, người cao tuổi,...

- Kích thích được nhu cầu phải được cung cấp dịch vụ có chất lượng, đa dạng loại hình dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ nâng cao chất lượng dân số; nâng cao nhận thức trong việc tự chi trả chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số theo định hướng xã hội hóa.

- Sự đầu tư nguồn lực thực hiện của các cấp địa phương, phong trào thi đua sôi nổi tại địa phương, đặc biệt là trong Chiến dịch truyền thông dân số, lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số mỗi năm.

## **2. Khó khăn**

- Đối với chính sách khuyến khích khen thưởng, biểu dương các cặp vợ chồng sinh đủ 02 con một bề là gái đến năm 2020 hằng năm xét không đạt chỉ tiêu giao do sự ràng buộc của điều kiện, tiêu chí dành cho đối tượng thụ hưởng còn khó và chưa hợp lý với điều kiện thực tế cộng đồng.

- Đối với chính sách điều chỉnh và duy trì mức sinh vùng thì người dân chưa thấy được trách nhiệm, lợi ích cụ thể mà họ có thể nhận được khi tham gia sinh đủ 02 con đối với sự phát triển kinh tế - xã hội là những gì. Hiện nay, nội dung khen thưởng của Nghị quyết chủ yếu là khen thưởng cho các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương khi tham gia thực hiện và đạt kết quả tốt; chưa hỗ trợ cho chính đối tượng thực hiện mà chỉ mới tạo được phong trào thi đua.

- So với nhu cầu thực hiện công tác dân số và phát triển hiện nay và các ý kiến chỉ đạo từ Trung ương thì những chính sách của Nghị quyết chưa bao phủ hết nhu cầu thực hiện.

## **III. Đề xuất, kiến nghị**

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Thông tư 05/TT-BYT ngày 14/05/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy Dân số - kế hoạch hóa gia đình địa phương; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về công tác dân số trong tình hình mới”; Nghị quyết 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về công tác dân số trong tình hình mới”; Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về Quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025. Thông tư 05/TT-BYT ngày 14/05/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy Dân số - kế hoạch hóa gia đình địa phương; Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản; Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh vùng, đối tượng đến năm 2030”, Thông tư 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế về Hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số, Thông tư

02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ công tác viên dân số để xây dựng và ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 với các chính sách tác động trực tiếp đến nhận thức, hành vi, lợi ích cụ thể của người dân trong cộng đồng. Từ đó, tạo đòn bẩy mạnh, thiết thực hơn, góp phần thực hiện đạt thành tích trong việc thực hiện vận động tăng sinh, nâng cao chất lượng dân số trong thời gian tới, góp phần thực hiện đạt, vượt các chỉ tiêu Trung ương, Tỉnh ủy, UBND, HĐND tỉnh giao.

Trên đây là báo cáo kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về Quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025 năm 2020 của Sở Y tế tỉnh Hậu Giang./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**